TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2024/HS-PT
Ngày: 19-03-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Nhậm.

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thị Phượng

Ông Lê Hùng Cường

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Trần Yến Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Hồng Vi - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 03 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 12/2024/TLST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2024 đối với các bị cáo Đặng Nguyễn Duy K và Nguyễn Văn S. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 122/2023/HS-ST ngày 05/12/2023 của Toà án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

- Bị cáo kháng cáo:

1. Đặng Nguyễn Duy K, sinh năm: 1989. Tên gọi khác: Nọ. Nơi thường trú: Ấp A, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An; Nơi ở hiện tại: Ấp A, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: lái xe; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng Văn S1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị G; bản thân có vợ tên Lê Thị Phương H, có 01 con sinh năm 2013; Tiền án – tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/8/2023 đến ngày 27/10/2023 được cho tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn S, sinh năm: 1972. Nơi thường trú: B L, Phường A, Quận H, Tp .; Nơi ở hiện tại: 6 T, Phường A, Quận H, Tp .; Trình độ học vấn: 07/12; Nghề nghiệp: buôn bán; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn N (đã chết) và bà Huỳnh Thị Q; bản thân có vợ tên Phan Thị B, có 03 con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2020; Tiền án – tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/8/2023 đến ngày 27/10/2023 được cho tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Những người không kháng cáo không triệu tập:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Trần Thanh T, sinh ngày 09/8/2008 – Có ông Trần Văn T1, sinh năm: 1974 và bà Trần Thị L, sinh năm: 1977

2/ Đặng Nguyễn Quốc K1, sinh năm: 1999

3/ Thái Quốc T2, sinh năm: 1975

Người chứng kiến:

1/ Huỳnh Anh T3, sinh năm: 1999

2/ Huỳnh Thanh L1, sinh năm: 1996

3/ Trần Thanh T4, sinh năm: 1996

4/ Tạ Quốc T5, sinh năm: 1987

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 16/8/2023, K1 sử dụng điện thoại di động Nokia 105 màu đen, sim số: 0934.122.554 liên lạc đến điện thoại di động S22 màu đen, sim số: 0907.052.636 của S để trao đổi thống nhất việc mua bán thuốc lá ngoại nhập lậu từ biên giới huyện Đ, tỉnh Long An giáp với Vương quốc Campuchia về nội địa Việt Nam, S đồng ý mua và thống nhất địa điểm giao nhận thuốc lá là căn chòi ở ấp T, xã L, huyện C do S thuê. Tiếp đến, K1 sử dụng điện thoại di động liên lạc với K2 (chưa rõ họ tên, địa chỉ) thỏa thuận việc K2 đem thuốc lá ngoại qua biên giới bán lại cho K1, tên K2 đồng ý. Sau đó K1 điều khiển xe ô tô loại 04 chỗ ngồi, màu trắng, biển kiểm soát: 62A – 316.19 đến nhà của Trần Thanh T ở Ấp A, xã B, huyện Đ rước T đến khu vực cầu tuần tra thuộc xã B, huyện Đ để nhận thuốc lá ngoại. Khi đến nơi, K1 giao xe ô tô cho 02 thanh niên người Campuchia (làm thuê cho tên K2) đem đi chất thuốc lá vào xe ô tô, rồi gắn biển kiểm soát giả: 51G - 505.331 vào thay biển kiểm soát thật: 62A – 316.19. K1 nhận của tên K2 tổng cộng 11.500 bao thuốc lá ngoại gồm: 9.100 bao hiệu Jet với giá 17.400đ/bao; 1.700 bao hiệu Hero với giá 14.400 đ/bao và 700 bao hiệu Scott với giá 12.900 đ/bao. Tổng cộng tiền mua thuốc lá ngoại là 191.850.000 đồng và được tên K2 cho nợ, thuốc lá đựng trong 25 túi nylon màu đen.

Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, K1 và T cùng nhau vận chuyển số thuốc lá ngoại nêu trên từ huyện Đ về đến căn chòi ở ấp T, xã L do S thuê như đã thỏa thuận. Tại đây, K1 giao cho S 11.500 bao thuốc lá các loại gồm: 9.100 bao hiệu Jet với giá 17.850đ/bao, thu lời 450đ/bao; 1.700 bao loại Hero với giá 14.850đ/bao, thu lời 450đ/bao và 700 bao hiệu Scott với giá 13.100đ/bao, thu lời 200đ/bao. Tổng cộng số tiền là 196.850.000 đồng, thu lời tổng cộng 5.000.000 đồng, S trả trước 50.000.000 đồng, số còn lại trả sau. Sau đó S lấy 2.400 bao thuốc lá các loại chất lên xe mô tô Wave màu đỏ, biển kiểm soát: 47P7 - 1165 vận chuyển đi bán lại tại điểm bán tạp hóa ở khu vực Quận F và Quận H, Tp .. Khi vận chuyển đến đoạn đường N thuộc ấp L, xã L thì bị Công an xã L phát hiện bắt quả tang. Theo lời khai của Nguyễn Văn S, nên vào lúc 21 giờ 30 phút cùng ngày, Công an xã L tiếp tục tiến hành kiểm tra hành chính căn chòi không số trên đường H thuộc ấp T, xã L phát hiện Đặng Nguyễn Duy K và Trần Thanh T, sinh ngày 09/8/2008 đang chuyển

các túi nylon màu đen bên trong có chứa thuốc lá ngoại từ 01 (một) xe ô tô loại 04 chỗ ngồi, nhãn hiệu KIA, biển kiểm soát: 51G – 505.31 (biển số giả) đậu trước chòi vào chòi. Qua kiểm tra phát hiện bên trong xe ô tô nêu trên có chứa 11 túi nylon màu đen, bên trong chứa 5.500 bao thuốc lá ngoại nhập lậu các loại gồm: 4.500 bao hiệu Jet, 500 bao hiệu Hero, 500 bao hiệu Scott. Tiếp tục kiểm tra bên trong căn chòi phát hiện 10 túi nylon màu đen, bên trong chứa 3.600 bao thuốc lá ngoại nhập lậu, gồm: 2.600 bao hiệu Jet, 1.000 bao hiệu Hero. Công an xã L tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ các tang vật và đưa các đối tượng liên quan về trụ sở làm việc.

Căn cứ Công văn số 126/CV – 2023 HHTLVN ngày 22/8/2023 của H2 về việc thẩm định thuốc lá điếu ngoại nhập lậu xác định: 03 mẫu cây thuốc lá điếu có nhãn hiệu: JET, SCOTT và HERO do cơ quan cung cấp là thuốc lá điếu nhập lậu.

Tại bản án số 122/2023/HS-ST ngày 05/12/2023 của Toà án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An đã tuyên xử.

Tuyên bố: Bị cáo Đặng Nguyễn Duy K và Nguyễn Văn S cùng phạm tội "Buôn bán hàng cấm".

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Đặng Nguyễn Duy K 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù được tính từ bắt thi hành án, nhưng được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/8/2023 đến ngày 27/10/2023.

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 190; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; khoản 1 Điều 54 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Văn S 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù được tính từ bắt thi hành án, nhưng được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/8/2023 đến ngày 27/10/2023.

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng theo quy định.

Ngày 11/12/2023, bị cáo Đặng Nguyễn Duy K và bị cáo Nguyễn Văn S kháng cáo giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị cáo Nguyễn Văn S khai nhận: Vào ngày 16/8/2023, bị cáo K sử dụng điện thoại di động số: 0934.122.554 liên lạc đến điện thoại di động điện thoại của bị cáo số: 0907.052.636 trao đổi thống nhất việc mua bán thuốc lá ngoại nhập lậu từ biên giới huyện Đ, tỉnh Long An bị cáo đồng ý mua với số lượng là 11.500 gói thuốc lá ngoại nhập lậu và thống nhất địa điểm giao nhận thuốc lá là căn chòi ở ấp T, xã L, huyện C do bị cáo thuê.

Khoản 21 giờ cùng ngày bị cáo K và T cùng nhau vận chuyển số thuốc lá ngoại nêu trên đến căn chòi ở ấp T, xã L như đã hẹn trước. Tại đây, bị cáo K bán cho bị cáo 11.500 bao thuốc lá các loại đựng trong 25 túi nilong màu đen gồm: 9.100 bao hiệu Jet; 1.700 bao loại H1 và 700 bao hiệu Scott. Tổng cộng số tiền là 196.850.000 đồng, bị cáo đã kiểm đủ 25 bao nilong đựng thuốc lá và trả trước

50.000.000 đồng, số còn lại trả sau. Sau đó bị cáo lấy 2.400 bao thuốc lá các loại lên xe mô tô Wave màu đỏ, biển kiểm soát: 47P7 - 1165 vận chuyển đi bán lại tại điểm bán tạp hóa ở khu vực Quận F và Quận H, Tp .. Số còn lại bị cáo yêu cầu bị cáo K và T đem vào để trong căn chòi của bị cáo thuê cho bị cáo. Trong lúc bị cáo đang vận chuyển 2.400 bao thuốc lá đi bán đến đoạn đường N thuộc ấp L, xã L thì bị Công an xã Long Thượng phát hiện bắt quả tang như nêu trên. Sau khi bị bắt quả tang bị cáo đã khai nhận còn số thuốc lá đã mua của bị cáo K còn lại ở căn chòi, nên cơ quan Công an cùng bị cáo đến căn chòi để thuốc lá thì thấy bị cáo K và T đang đưa thuốc lá còn lại từ xe vào chòi nên đã tiếp tục lập biên bản quả tang.

Bị cáo Đặng Nguyễn Duy K khai nhận: Vào khoảng 17 giờ 00 phút ngày 16/8/2023, bị cáo sử dụng điện thoại di động của bị cáo số: 0934.122.554 liên lạc đến điện thoại di động số: 0907.052.636 của bị cáo S để trao đổi thống nhất việc mua bán thuốc lá ngoại nhập lậu từ biên giới huyện Đ, tỉnh Long An giáp với Vương quốc Campuchia về nội địa Việt Nam, bị cáo S đồng ý mua 11.500 bao thuốc lá ngoại nhập lậu các loại và thống nhất địa điểm giao nhận thuốc lá là căn chòi ở ấp T, xã L, huyện C do bị cáo S thuê. Sau đó bị cáo sử dụng điện thoại di động liên lạc với người tên K2 chưa rõ họ tên, địa chỉ, thỏa thuận việc K2 đem thuốc lá ngoại qua biên giới bán lại cho bị cáo, K2 đồng ý. Sau đó bị cáo điều khiển xe ô tô loại 04 chỗ ngồi, màu trắng, biển kiểm soát: 62A – 316.19 đến nhà của Trần Thanh T rước T đến khu vực cầu tuần tra thuộc xã B, huyện Đ để nhận thuốc lá ngoại. Khi đến nơi, bị cáo giao xe ô tô cho 02 thanh niên người Campuchia làm thuê cho K2 đem đi chất thuốc lá vào xe ô tô, rồi gắn biển kiểm soát giả: 51G - 505.331 vào thay biển kiểm soát thật: 62A – 316.19. Bị cáo nhận của tên K2 tổng cộng 11.500 bao thuốc lá ngoại gồm: 9.100 bao hiệu Jet với giá 17.400đ/bao; 1.700 bao hiệu Hero với giá 14.400 đ/bao và 700 bao hiệu Scott với giá 12.900 đ/bao. Tổng cộng tiền mua thuốc lá ngoại là 191.850.000 đồng và được K2 cho nợ, thuốc lá đựng trong 25 túi lylon màu đen. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, bị cáo và T cùng nhau vận chuyển số thuốc lá ngoại nêu trên từ huyện Đ về đến căn chòi ở ấp T, xã L như đả thỏa thuận với bị cáo S. Tại đây, bị cáo bán cho bị cáo S 11.500 bao thuốc lá các loại gồm: 9.100 bao hiệu Jet với giá 17.850đ/bao, thu lời 450đ/bao; 1.700 bao loại Hero với giá 14.850đ/bao, thu lời 450đ/bao và 700 bao hiệu Scott với giá 13.100đ/bao, thu lời 200đ/bao. Tổng cộng số tiền là 196.850.000 đồng, thu lời tổng cộng 5.000.000 đồng. Bị cáo S đã kiểm số lượng bao thuốc lá trả trước 50.000.000 đồng, số còn lại trả sau. Sau khi kiểm thuốc và thanh toán tiền bị cáo S lấy 2.400 bao thuốc lá các loại chất lên xe mô tô Wave màu đỏ, biển kiểm soát: 47P7 - 1165 vận chuyển đi bán lại, số thuốc lá còn lại bị cáo S yêu cầu bị cáo và T đưa vào chòi của bị cáo S thuê cho bị cáo S. Nhưng lúc sau thì bị cáo S và Công an đến lập biên bản trong lúc bị cáo và T đang đưa số thuốc lá từ xe vào chòi theo yêu cầu của bị cáo S.

Các Bị cáo thừa nhận thực hiện hành vi mua thuốc lá ngoại nhập lậu về bán lại như bản án sơ thẩm đã xử là phù hợp, các bị cáo xác định bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội "Buôn bán hàng cấm" là đúng, không oan. Bị cáo kháng cáo giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu quan điểm có nội dung:

Bị cáo kháng cáo trong thời hạn theo quy định của pháp luật nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý vụ án giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là có căn cứ.

Hành vi của bị cáo Đặng Nguyễn Duy K và Nguyễn Văn S đủ yếu tố cấu thành tội "Buôn bán hàng cấm", Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo theo điểm b khoản 3 Điều 190 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Ngày 11/12/2023, bị cáo Đặng Nguyễn Duy K và Nguyễn Văn S kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù.

Qua nghiên cứu những chứng cứ có tại hồ sơ nhận thấy cấp sơ thẩm đã xem xét và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo là phù hợp. Bị cáo Đặng Nguyễn Duy K kháng cáo bổ sung Đơn xác nhận có người thân là người có công Cách Mạng; Thư cảm ơn của Chủ tịch UBND xã Bình Hòa Hưng đối với Đặng Nguyễn Duy K do có đóng góp 20.000.000 đồng xây dựng tuyến đường kiểu mẫu trên địa bàn xã; Giấy khen của Chủ tịch UBND xã Bình Hòa Hưng do có thành tích xuất sắc trong công tác truy bắt tội phạm; được chính quyền địa phương xác nhận, nên cũng được xem là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo S bổ sung giấy xác nhận tham gia phong trào phòng chống tội phạm ở địa phương nên cũng được ghi nhận là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên xét thấy mức án mà cấp sơ thẩm tuyên phạt đối với bị cáo S, K là phù hợp, thể hiện được tính giáo dục và nghiêm minh của pháp luật, do đó kháng cáo của các bị cáo không có căn cứ chấp nhận.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đặng Nguyễn Duy K, Nguyễn Văn S, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 122/2023/HSST ngày 05/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các khoản khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục Phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời gian kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục Phúc thẩm.

Bị cáo không tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo kháng cáo trong thời hạn theo quy định của pháp luật nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý vụ án giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là có căn cứ.

[2] Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 16/8/2023, bị cáo Đặng Nguyễn Duy K sau khi sử dụng điện thoại di động liên lạc với bị cáo Nguyễn Văn S thỏa thuận về việc mua bán thuốc lá ngoại nhập lậu, đã điều khiển xe ô tô loại 04 chỗ ngồi, màu trắng, biển kiển soát: 62A - 316.19 đến khu vực cầu tuần tra biên giới thuộc địa bàn xã B, huyện Đ, tỉnh Long An gặp đối tượng tên K2 (không rõ nhân thân) mua 11.500 bao

thuốc lá ngoại nhập lậu các loại với tổng số tiền 191.850.000 đồng, vận chuyển về xã L, huyện C bán lại cho bị cáo S với tổng số tiền 196.850.000 đồng để kiếm lời (5.000.000 đồng). Tại căn chòi không số trên đường H thuộc ấp T, xã L, huyện C do bị cáo S thuê, S đã kiểm tra nhận số lượng thuốc lá thanh tóan cho K 50.000.000 đồng và yêu cầu bị cáo K đưa số thuốc lá còn vào căn chòi cho bị cáo S đồng thời bị cáo S lấy 2.400 bao thuốc lá các loại trong số thuốc bị cáo S đã mua của bị cáo K chất lên xe mô tô Wave màu đỏ, biển kiểm soát: 47P7 – 1165 vận chuyển đi bán lại tại các điểm bán tạp hóa trên địa bàn Quận F và Quận H, Tp ., số thuốc lá còn lại bị cáo S nhờ bị cáo K và T tiếp tục đem từ xe ô tô vào căn chòi cất giấu. Khi S vận chuyển thuốc lá đến đoạn đường N thuộc ấp L, xã L thì bị Công an xã L phát hiện bắt quả tang cùng tang vật. Trên cơ sở lời khai của bị cáo S, nên vào lúc 21 giờ 30 phút cùng ngày, Công an xã Long Thượng tiếp tục kiểm tra hành chính căn chòi do bị cáo S thuê thì phát hiện bị cáo K và T đang vận chuyển thuốc lá ngoại từ xe ô tô vào căn chòi cất giấu theo yêu cầu của bị cáo S. Qua kiểm tra phát hiện bên trong xe ô tô có chứa 5.500 bao thuốc lá ngoại nhập lậu các loại. Tiếp tục kiểm tra bên trong căn chòi phát hiện chứa 3.600 bao thuốc lá ngoại nhập lậu. Số lượng thuốc lá điếu nhập lậu bị cáo K đã mua 11.500 bao thuốc lá ngoại nhập lậu từ huyện Đ về bán lại cho bị cáo S. Bị cáo S đã mua 11.500 bao thuốc lá ngoại nhập lậu của bị cáo K cất dấu tại căn chòi do bị cáo S thuê nhằm bán lại, nên hành vi của hai bị cáo đều đã cấu thành tội *"Buôn bán hàng cấm"* theo quy định tại Điều 190 Bộ luật Hình sự với số lượng thuốc lá điếu nhập lậu hai bị cáo mua bán 11.500 bao (mười một ngàn năm trăm bao), nên hành vi phạm tội của hai bị cáo thuộc trường hợp định khung tăng nặng hình phạt là *"Thuốc lá điếu nhập lậu từ 4.500 bao trở lên"* theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 190 Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, hai bị cáo nhận thức được việc buôn bán thuốc lá điếu nhập lậu là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến chế độ quản lý hàng hóa mà nhà nước cấm lưu thông, cấm kinh doanh, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế. Do đó, án sơ thẩm đã xét xử bị cáo K 8 năm tù và bị cáo S 6 năm tù là có căn cứ. Các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

[4] Xét kháng cáo của các bị cáo: Khi xét xử án sơ thẩm đã áp dụng các tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: cả hai bị cáo phạm tội nhưng thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Nguyễn Văn S theo biên bản bắt người phạm tội quả tang do Công an xã Long Thượng, huyện Cần Giuộc lập vào lúc 22 giờ 30 phút, ngày 16/8/2023 thể hiện bị cáo S đã khai nhận toàn bộ nội dung sự việc và chỉ địa điểm là căn chòi nơi bị cáo K và T đang giao thuốc lá, nên bị cáo S được hưởng tình tiết là *"Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm..."* là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra hai bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính, nên án sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với hai bị cáo.

Bị cáo Đặng Nguyễn Duy K kháng cáo bổ sung Đơn xác nhận có người thân là người có công Cách Mạng; Thư cảm ơn của Chủ tịch UBND xã Bình Hòa Hưng đối với Đặng Nguyễn Duy K do có đóng góp 20.000.000 đồng xây dựng tuyến

đường kiểu mẫu trên địa bàn xã; Giấy khen của Chủ tịch UBND xã Bình Hòa Hưng do có thành tích xuất sắc trong công tác truy bắt tội phạm; được chính quyền địa phương xác nhận, cũng được xem là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Đối với bị cáo K có hành vi xúi giục T là người chưa thành niên cùng thực hiện hành vi phạm tội mặc dù T chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự về hành vi này nhưng bị cáo vẫn phải chịu tình tiết tăng nặng theo quy đinh tại điểm o, khoản 1, Điều 52 Bộ luật Hình sự nhưng án sơ thẩm không áp dụng là thiếu sót cần rút kinh nghiệm. Hình phạt 8 năm tù là mức hình phạt khởi điểm của khung hình phạt bị cáo bị truy tố và đưa ra xét xử, trong khi bị cáo chỉ có 1 tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s, khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự nên không có căn cứ giảm nhẹ thêm hình phạt đối với bị cáo. Xét thấy, mức án mà cấp sơ thẩm tuyên phạt đối với bị cáo K là phù hợp với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo, do đó kháng cáo của bị cáo K không có căn cứ chấp nhận.

Bị cáo S kháng cáo bổ sung giấy xác nhận tham gia phong trào phòng chống tội phạm ở địa phương nên cũng được ghi nhận là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự án sơ thẩm đã áp dụng hình phạt đối với bị cáo S 6 năm tù. Án sơ thẩm đã áp dụng khoảng 1 Điều 54 BLHS để xét xử bị cáo với mức hình phạt dưới mức thấp nhất khung hình phạt bị cáo bị truy tố. Xét thấy, mức án mà cấp sơ thẩm tuyên phạt đối với bị cáo S là phù hợp với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, do đó kháng cáo của bị cáo S không có căn cứ chấp nhận.

[5] Từ các nhận định trên Hội đồng xét xử có căn cứ Áp dụng Điểm a, Khoản 1, Điều 355; Điều 356, Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đặng Nguyễn Duy K và Nguyễn Văn S. Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là phù hợp.

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Các bị cáo phải chịu phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

[7] Các khoản khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị không bị án Phúc thẩm cải sửa có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

1. Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Đặng Nguyễn Duy K và Nguyễn Văn S; Giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm số: 27/2023/HS-ST ngày 21/9/2023 của Toà án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Tuyên bố bị cáo Đặng Nguyễn Duy K và Nguyễn Văn S cùng phạm tội *"Buôn bán hàng cấm"*.

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Đặng Nguyễn Duy K 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù được tính từ bắt thi hành án, nhưng được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/8/2023 đến ngày 27/10/2023.

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 190; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; khoản 1 Điều 54 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Văn S 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù được tính từ bắt thi hành án, nhưng được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/8/2023 đến ngày 27/10/2023.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo Đặng Nguyễn Duy K và bị cáo Nguyễn Văn S mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các khoản khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- Sở tư pháp tỉnh Long An;
- TAND huyện;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Trần Văn Nhậm